

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN C  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/DS-ST.

Ngày: 24-9-2021.

*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
và yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng  
cho quyền sử dụng đất vô hiệu.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN C, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đức Dũng.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Việt Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 và thụ lý bổ sung số 341A/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962 và ông Đỗ Xuân B, sinh năm 1962; cùng địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp 4, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; bà M có mặt, ông B vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Đức T, sinh năm 1979 và chị Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh năm 1984; cùng địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp Tân T1, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Lê Thị C1, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp Tân T1, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.2. Văn phòng Công chứng Trần Duy L; địa chỉ trụ sở: Số 277-279, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, thành phố Tây N, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Duy L, chức vụ: Trưởng Văn phòng; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 11-11-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30-11-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Xuân B và bà Đỗ Thị M trình bày:*

Ngày 09-7-2018, vợ chồng anh Lê Đức T, chị Nguyễn Thị Mỹ D1 có vay của vợ, chồng ông, bà số tiền 100.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ do anh T ký tên người vay, bà Lê Thị C1 ký tên người bảo lãnh, mục đích vay để trả tiền lãi và tiền phạt Ngân hàng. Hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là vay 1.000.000 đồng thì lãi suất là 1.000 đồng/ ngày, tương đương lãi suất là 3%/ tháng và hẹn 10 ngày sau trả số tiền vay cho ông, bà. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ anh T, chị D1 không trả cho ông, bà được số tiền nào, mặc dù ông, bà đã đi đòi nhiều lần. Ngoài ra, ông, bà còn cho rằng bà C1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Văn D2 và bà Huỳnh Thị Thảo V, tại thửa đất số 472, tờ bản đồ số 66, diện tích 748 m<sup>2</sup> và ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho chị D1 tại thửa đất số 473, tờ bản đồ số 66, diện tích 255,3 m<sup>2</sup>, cả 02 diện tích đất đều tọa lạc tại ấp Tân T1, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh và công chứng tại Văn phòng Công chứng Trần Duy L, ngày 26-7-2019 nhằm mục đích tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án cho ông, bà.

Do đó, ông, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh giải quyết: Buộc anh T, chị D1 và bà C1 có nghĩa vụ trả cho ông, bà số tiền vay 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,125%/ tháng từ ngày 09-7-2018 đến khi giải quyết xong vụ án, tạm tính tiền lãi đến ngày khởi kiện là 28 tháng với số tiền là 31.500.000 đồng và yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (gọi tắt là HĐTCQSDĐ) giữa bà Châu với chị Dung tại thửa đất số 473, tờ bản đồ số 66, diện tích 255,3 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Tân T1, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh được Văn phòng Công chứng Trần Duy L chứng thực ngày 26-7-2019 vô hiệu.

Ngày 17-5-2021, ông, bà có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tuyên bố HĐTCQSDĐ giữa bà C1 với chị D1 tại thửa đất số 473, tờ bản đồ số 66, diện tích 255,3 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Tân T1, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh được Văn phòng Công chứng Trần Duy L chứng thực ngày 26-7-2019 vô hiệu. Ngày 16-9-2021, ông bà thay đổi yêu cầu khởi kiện là ông, bà chỉ yêu cầu anh T, chị D1 và bà C1 có nghĩa vụ trả cho ông, bà số tiền vay 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/ tháng từ ngày 09-7-2018 đến ngày xét xử sơ

thảm là 38 tháng 15 ngày X 100.000.000 đồng X 0,83 %/ tháng bằng 31.955.000 đồng, tổng cộng là 131.955.000 đồng.

*Bị đơn anh Lê Đức T, chị Nguyễn Thị Mỹ D1 trình bày:*

Bắt đầu từ ngày 14-11-2017, anh chị vay tiền của bà Đỗ Thị M rất nhiều lần, thời hạn vay từ 03 đến 05 ngày, vay xong rồi trả và vay lại, hai bên thỏa thuận lãi suất vay 1.000.000 đồng là 5.000 đồng/ ngày, tương đương lãi suất là 15%/ tháng. Về hình thức trả: Anh, chị trả đủ tiền cho bà M thì bà M trả giấy nợ cho anh chị, nếu viết giấy nợ trong sổ của bà M không xé ra được thì bà M gạch chữ “R” trong sổ của bà M, còn nếu bà M không đem theo giấy nợ thì bà M viết giấy biên nhận tiền cho anh chị. Mục đích vay tiền là để đáo hạn Ngân hàng.

Ngày 07-6-2018 và ngày 08-6-2018, bà M cho chị D vay tổng cộng là 500.000.000 đồng, thời gian vay từ 03 đến ngày 05, mục đích để cho ông Trần Khánh H1 vay đáo hạn Ngân hàng. Nhưng đến hạn ông H1 không trả tiền cho chị D1 nên đến ngày 15-6-2018, chị D1 vay của bà H2 220.000.000 đồng để trả cho bà M 220.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 20.000.000 đồng. Đến ngày 22-6-2018, chị D1 vay của bà Lê Thị T2 220.000.000 đồng để trả cho bà H2. Sau đó, chị D1 gom tiền nhưng còn thiếu 100.000.000 đồng thì mới đủ tiền trả cho bà T2. Ngày 09-7-2018 bà M cho anh chị vay thêm 100.000.000 đồng nhưng yêu cầu anh T viết giấy nợ, mẹ chị D1 là bà Lê Thị C1 ký tên bảo lãnh. Đến thời điểm này, anh chị còn nợ bà M 400.000.000 đồng tiền nợ gốc thì chị D1 mới xin bà M cho anh, chị nợ số tiền này và trả tiền lãi, chờ gia đình nâng vốn vay Ngân hàng và bán đất sẽ trả hết nợ cho bà M thì bà M đồng ý. Từ thời gian này trở đi, bà M không cho anh, chị vay thêm tiền nữa.

Ngày 20-12-2018, bà M tính tiền nợ gốc và nợ lãi của anh chị là 462.000.000 đồng nên trong ngày 20-12-2018 anh T trả cho bà Mai 450.000.000 đồng, bà Mai có viết biên nhận ngày 20-12-2018, còn nợ lại 12.000.000 đồng. Ngày 30-12-2018, anh chị trả cho bà M 2.000.000 đồng không làm giấy tờ, đến ngày 03-01-2019 anh T trả cho bà M 10.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản là không còn nợ bà M số tiền nào nữa. Đối với biên nhận tiền 450.000.000 đồng ngày 20-12-2018 bà M viết cho anh T, tuy không thể hiện trả cho khoản vay nào nhưng anh chị cho rằng đã trả đủ tiền cho bà M nên không cần thiết phải viết cụ thể trả cho khoản vay nào. Ngoài ra, chị D1 còn trình bày, bà C1 đã trả cho bà M 122.000.000 đồng, trong đó trả tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, trả tiền lãi 22.000.000 đồng của khoản vay bà M 100.000.000 đồng ngày 09-7-2018.

Đối với yêu cầu tuyên bố HĐTCQSDĐ giữa bà C1 với chị D1 tại thửa đất số 473, tờ bản đồ số 66, diện tích 255,3 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Tân T1, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh được Văn phòng Công chứng Trần Duy L chứng thực ngày

26-7-2019 vô hiệu thì anh, chị không đồng ý. Lý do là anh chị không có tài sản và không trốn tránh nghĩa vụ thi hành án cho bà M.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C1 trình bày:*

Bà là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Mỹ D1, mẹ vợ của anh Lê Đức T và có mối quan hệ quen biết với bà Đỗ Thị M khi đến Tòa án làm việc trong các vụ án khác. Bà thừa nhận ngày 09-7-2018, bà có ký giấy bảo lãnh cho chị D1, anh T vay của bà M 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất miệng là vay 1.000.000 đồng thì tiền lãi là 5.000 đồng/ ngày, hạn 03 ngày sau trả nợ nhưng trong giấy nợ thể hiện thời hạn vay là 10 ngày.

Đến hạn trả nợ nhưng bà và chị D1, anh T không có tiền trả cho bà M và vẫn đóng lãi hàng tháng theo mức lãi suất thỏa thuận giữa hai bên. Đến ngày 20-12-2018, bà vay Ngân hàng Nam Á 1.500.000.000 đồng để đưa cho anh T 400.000.000 đồng trả tiền vay cho bà M, trong đó có trả cho khoản vay 100.000.000 đồng ngày 09-7-2018 mà bà ký bảo lãnh. Khi anh T trả tiền cho bà M thì bà M không đem theo sổ nợ nên bà M có viết biên nhận 450.000.000 đồng cho anh T, tuy trong biên nhận bà M viết cho anh T không thể hiện trả cho khoản vay nào nhưng bà xác định trong đó có trả cho khoản vay 100.000.000 đồng ngày 09-7-2018. Ngoài ra, trong ngày 20-12-2018, bà còn chuyển trả cho bà M 122.000.000 đồng, trả cho khoản vay 100.000.000 đồng ngày 17-12-2018, còn thiếu 400.000 đồng tiền lãi nên cùng ngày bà M tiếp tục đến nhà bà lấy 400.000 đồng.

Nay bà đã trả đầy đủ cho bà M tiền vay 100.000.000 đồng ngày 09-7-2018 mà bà ký bảo lãnh và tiền lãi nên bà không chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M, ông Đỗ Xuân B đối với bà và chị D1, anh T. Đối với yêu cầu tuyên bố HĐTCQSDĐ giữa bà với chị D1 tại thửa đất số 473, tờ bản đồ số 66, diện tích 255,3 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Tân T1, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh được Văn phòng Công chứng Trần Duy L chứng thực ngày 26-7-2019 vô hiệu, do ông B, bà M đã rút lại yêu cầu khởi kiện này nên bà không có ý kiến.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Trần Duy L do ông Trần Duy L đại diện trình bày:*

Ngày 26-7-2019 tại Văn phòng Công chứng Trần Duy L, công chứng viên Trần Duy L có tiếp nhận hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là bà Lê Thị C1, bên nhận tặng cho là chị Nguyễn Thị Mỹ D1. Qua xem xét hồ sơ, công chứng viên nhận thấy hồ sơ đầy đủ và tiến hành thực hiện các quy trình về thủ tục hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sau đó, Công chứng viên xác nhận GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: C1 929975, sổ vào sổ cấp GCN số: CS02052 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26-7-2017 và Trích đo chỉnh lý bản đồ địa

chính số: 1805/SĐ-TĐCL do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, Chi nhánh Tân C ký trích đo ngày 25-7-2019, cụ thể: Trích từ thửa 65 thành thửa đất mới số 473, tờ bản đồ số 66; địa chỉ tại ấp Tân T1, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; diện tích 255,3 m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: Đất ONT 100 m<sup>2</sup> + Đất CLN 155,3 m<sup>2</sup>; thời hạn sử dụng đất: Đất ONT lâu dài + Đất CLN đến ngày 28-02-2054. Do bà C1 đứng tên là chủ sử dụng hợp pháp nên tiến hành lập HĐTCQSDĐ cho chị D1. Sau khi hai bên ký tên vào HĐTCQSDĐ, Công chứng viên ký chứng nhận vào HĐTCQSDĐ số 5915 ngày 26-7-2019 là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo thỏa mãn Điều 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49 của Luật Công chứng và điều, khoản quy định về hợp đồng, giao dịch theo Bộ luật Dân sự.

Nay Văn phòng Công chứng Trần Duy L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Xuân B về việc yêu cầu tuyên bố HĐTCQSDĐ giữa bà C1 với chị D1 tại thửa đất số 473, tờ bản đồ số 66, diện tích 255,3 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Tân T1, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh được Văn phòng Công chứng Trần Duy L chứng thực ngày 26-7-2019 vô hiệu, vì: Việc tặng cho quyền sử dụng đất do ý chí tự nguyện của các bên, cả hai bên cùng đến Văn phòng Công chứng để yêu cầu Công chứng viên thực hiện việc tặng cho quyền sử dụng đất, cho thấy có sự chuẩn bị trước về thời gian và điều thể hiện mục đích tặng cho quyền sử dụng đất và không có sự can thiệp hoặc có văn bản ngăn cản của Cơ quan có thẩm quyền nên việc chứng nhận HĐTCQSDĐ số 5915 ngày 26-7-2019 là đúng quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 217, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Xuân B đối với anh Lê Đức T, chị Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Lê Thị C1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc anh T, chị D1 và bà C1 có nghĩa vụ trả cho bà M, ông B số tiền vay 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/ tháng từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm; Đình chỉ yêu cầu của bà M, ông B đối với anh T, chị D1, bà C1 về yêu cầu hủy HĐTCQSDĐ; về án phí: Anh T, chị D1 và bà C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đỗ Xuân B là nguyên đơn và bà Lê Thị C1, ông Trần Duy L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông B, bà C1 và ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Đỗ Thị M và ông Đỗ Xuân B yêu cầu anh Lê Đức T, chị Nguyễn Thị Mỹ D1 và bà Lê Thị C1 có nghĩa vụ trả cho ông, bà số tiền vay 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/ tháng từ ngày 09-7-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 38 tháng 15 ngày X 100.000.000 đồng X 0,83 %/ tháng bằng 31.955.000 đồng, tổng cộng là 131.955.000 đồng.

[2.2] Bà Đỗ Thị M và ông Đỗ Xuân B yêu cầu tuyên bố HĐTCQSDĐ giữa bà Lê Thị C1 với chị Nguyễn Thị Mỹ D1 tại thửa đất số 473, tờ bản đồ số 66, diện tích 255,3 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Tân T1, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh được Văn phòng Công chứng Trần Duy L chứng thực ngày 26-7-2019 vô hiệu.

[3] Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà M, ông B với anh T, chị D1:

[3.1] Về chứng cứ: Tại Biên nhận nợ ngày 09-7-2018 (BL số 41) có nội dung: “Họ và tên: Lê Đức T, sinh năm 1979 và vợ Nguyễn Thị Mỹ D1...có mượn của ông (bà) Đỗ Thị M + Đỗ Xuân B... số tiền 100.000.000 đồng...Tôi cam kết trong thời hạn 10 ngày thì trả gốc...” tại mục người vay ký tên Lê Đức T, người bảo lãnh ký tên Lê Thị C1. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T, chị D1 thừa nhận ngày 09-7-2018, anh chị có vay của bà M số tiền 100.000.000 đồng, bà C1 thừa nhận ngày 09-7-2018, bà C1 ký tên bảo lãnh cho anh T, chị D1 vay của bà M 100.000.000 đồng; ngoài ra, anh T và bà C1 thừa nhận chữ ký, chữ viết trong biên nhận nợ ngày 09-7-2018 là chữ ký, chữ viết của mình nên chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp pháp, được Hội đồng xét xử xem xét.

[3.2] Về số tiền vay: Anh T, chị D1 khai vay 100.000.000 đồng ngày 09-7-2018 là vay của bà M, còn số tiền vay là của bà M hay của vợ, chồng bà M, ông B thì anh, chị không biết. Trong biên nhận nợ ngày 09-7-2018 thể hiện người cho vay là bà M, ông B và bà M thừa nhận số tiền cho chị D1, anh T vay là của vợ, chồng bà nhưng bà đứng ra cho vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền 100.000.000 đồng bà M cho anh T, chị D1 vay ngày 09-7-2018 là của bà M, ông B.

[3.3] Xét về hình thức vay, hình thức trả nợ: Anh T, chị D1 và bà M thống nhất ngoài khoản vay 100.000.000 đồng ngày 09-7-2018 thì bà M cho anh T, chị

D1 vay tiền rất nhiều lần, hình thức vay là anh T, chị D1 viết giấy nợ; hình thức trả là khi anh T, chị D1 trả đủ tiền vay thì bà M trả giấy nợ, nếu viết giấy nợ trong sổ của bà M không xé ra được thì bà M gạch chữ “R” trong sổ của bà M hoặc là bà M viết giấy biên nhận tiền cho anh T, chị D1.

[3.4] Xét lời khai của nguyên đơn:

[3.4.1] Bà M cho rằng biên nhận 450.000.000 đồng ngày 20-12-2018 bà M viết cho anh T là trả cho khoản vay 530.000.000 đồng ngày 14-5-2018 (BL số 97) nên bà M gạch vào giấy nợ gốc chữ “R”. Cho nên biên nhận 450.000.000 đồng ngày 20-12-2018 không phải trả cho khoản vay 100.000.000 đồng ngày 09-7-2018.

[3.4.2] Đối với số tiền 122.000.000 đồng, bà C1 nhờ anh T chuyển khoản cho bà M là để trả cho khoản vay 120.000.000 đồng vay ngày 17-12-2018 được viết tại mặt sau biên nhận nợ 20.000.000 đồng ngày 21-5-2018 (mặt sau BL số 82) và 2.000.000 đồng để trả cho khoản vay 5.000.000 đồng ngày 01-3-2018.

[3.5] Xét lời khai của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị D1, anh T và bà C1 khai ngày 20-12-2018, anh T trả cho bà M 450.000.000 đồng, trong đó có trả tiền vay 100.000.000 đồng ngày 09-7-2018, do bà M không đem theo giấy nợ nên bà M có viết cho anh T biên nhận 450.000.000 đồng nhưng không có nội dung trả cho khoản vay nào. Tuy nhiên, theo hồ sơ thể hiện năm 2020 bà M, ông B có khởi kiện anh T, chị D1 trả số tiền 810.000.000 đồng và cung cấp các giấy vay tiền, cụ thể ngày 20-5-2018 vay 50.000.000 đồng; ngày 21-5-2018 vay 20.000.000 đồng; ngày 29-5-2018 vay 140.000.000 đồng; ngày 07-6-2018 vay 400.000.000 đồng; ngày 08-6-2018 vay 100.000.000 đồng; ngày 09-7-2018 vay 100.000.000. Sau đó bà M, ông B rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 09-7-2018. Anh T, chị D1 cho rằng đã trả cho bà M số tiền nợ gốc và nợ lãi là 840.000.000 đồng, trong đó có 100.000.000 đồng bà C1 ký bảo lãnh và có cung cấp một số chứng cứ: Biên lai anh T chuyển vào tài khoản Ngân hàng Agribank của bà M số tiền 10.000.000 đồng được bà M thừa nhận; biên nhận trả 60.000.000 đồng không thể hiện ngày tháng; biên nhận 70.000.000 đồng có dấu sửa ngày 22-3-2018 và biên nhận ngày 20-12-2018, số tiền 450.000.000 đồng nhưng bà M cho rằng biên nhận 450.000.000 đồng ngày 20-12-2018 để trả cho khoản vay 530.000.000 đồng ngày 14-5-2018; số tiền còn lại không có chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, trong biên nhận 450.000.000 đồng ngày 20-12-2018 không thể hiện anh T, chị D1 trả cho khoản vay 100.000.000 đồng ngày 09-7-2018. Do đó lời khai của anh T, chị D1, bà C1 là không có cơ sở chấp nhận.

[3.6] Xét lời khai của bà M, ông B là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bà C1 bảo lãnh cho anh T, chị D1 vay tiền nên bà M, ông B yêu cầu anh T, chị D1 và bà C1 trả số tiền vay 100.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.7] Xét về tiền lãi: Bà M, ông B cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng và anh T, chị D1, bà C1 chưa trả tiền lãi nên bà M, ông B yêu cầu anh T, chị D1, bà C1 có nghĩa vụ trả cho ông, bà tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/ tháng từ ngày 09-7-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 38 tháng 15 ngày X 100.000.000 đồng X 0,83 %/ tháng bằng 31.955.000 đồng. Anh T, chị D cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất là vay 1.000.000 đồng thì tiền lãi là 5.000 đồng/ ngày, tương đương lãi suất là 15%/ tháng và anh, chị đã trả đầy đủ tiền lãi cho bà M nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do hai bên tranh chấp về mức lãi suất và nay bà M, ông B yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/ tháng phù hợp theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự (10%/ năm), tức là 0,83%/ tháng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, ông B về việc yêu cầu anh T, chị D1, bà C1 trả tiền lãi từ ngày 09-7-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83%/ tháng là 31.955.000 đồng.

[3.8] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, ông B về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với anh T, chị D1, bà C1. Buộc anh T, chị D1, bà C1 có nghĩa vụ trả cho bà M, ông B số tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 31.955.000 đồng. Tổng cộng là 131.955.000 đồng.

[4] Ngày 17-5-2021, bà M, ông B rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu “Tuyên bố HĐTCQSDĐ giữa bà C1 với chị D1 tại thửa đất số 473, tờ bản đồ số 66, diện tích 255,3 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Tân T1, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh được Văn phòng Công chứng Trần Duy L chứng thực ngày 26-7-2019 vô hiệu” nên đình chỉ giải quyết yêu cầu này của bà M, ông B theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T, chị D1 và bà C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.597.500 đồng (131.955.000 đồng X 5%). Bà M, ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.587.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 335, 342, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 217, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Xuân B về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với anh Lê Đức T, chị Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Lê Thị C1.



Buộc anh Lê Đức T, chị Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Lê Thị C1 có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Xuân B số tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 31.955.000 đồng. Tổng cộng là 131.955.000 đồng (một trăm ba mươi một triệu, chín trăm năm mươi năm nghìn đồng).

Kể từ ngày 25-9-2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức **lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự**.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Xuân B về việc yêu cầu “Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị C1 với chị Nguyễn Thị Mỹ D1 tại thửa đất số 473, tờ bản đồ số 66, diện tích 255,3 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Tân T1, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh được Văn phòng Công chứng Trần Duy L chứng thực ngày 26-7-2019 vô hiệu”. Bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Xuân B có quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Anh Lê Đức T, chị Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Lê Thị C1 phải chịu 6.597.500 đồng (sáu triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Xuân B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Xuân B 3.587.500 đồng (ba triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo 02 biên lai thu số 0001336, ngày 11-11-2020 và số 0001430, ngày 30-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân C;
- Chi cục THADS huyện Tân C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

(Đã ký)

**Lê Đức Dũng**